

Số: 18512 /BTC-TCT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2016

V/v hạch toán chi phí môi giới
và thuế khi hợp tác kinh doanh
với cá nhân.

Kính gửi: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Rainwater
(Địa chỉ: 280/3/18 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM)

Bộ Tài chính nhận được công văn số 10513/VPCP-ĐMDN ngày 06/12/2016 của Văn Phòng Chính phủ chuyển kiến nghị của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Rainwater về việc hạch toán chi phí môi giới và thuế khi hợp tác kinh doanh với cá nhân.

Về kiến nghị của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Rainwater, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về hạch toán kế toán:

Do văn bản của Công ty CP Tư vấn Đầu tư Rainwater không nêu rõ thuộc đối tượng áp dụng chế độ kế toán nào, Bộ Tài chính hướng dẫn hạch toán kế toán với giả định Công ty thuộc đối tượng áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty thực hiện như sau:

a) Trường hợp Công ty ký hợp đồng môi giới với một cá nhân để làm trung gian giới thiệu khách hàng cho Công ty.

Do đây là hợp đồng môi giới với cá nhân để cá nhân này làm trung gian giới thiệu khách hàng, bán sản phẩm của Công ty và công ty phải trả chi phí môi giới thì chi phí môi giới này sẽ được phản ánh vào TK 641 - Chi phí bán hàng. Theo đó, Công ty hạch toán như sau:

+ Trường hợp chỉ trả tiền thù lao, dịch vụ thuê ngoài ... ngay cho các cá nhân bên ngoài, ghi:

Nợ các TK 641 – Chi phí bán hàng (tổng số phải thanh toán)

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3335) (số thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ) (nếu có)

Có các TK 111, 112 (số tiền thực trả)

+ Khi chỉ trả các khoản nợ phải trả cho các cá nhân bên ngoài Công ty, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả)

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ)

Có các TK 111, 112 (số tiền thực trả).

+ Khi nộp thuế thu nhập cá nhân vào Ngân sách Nhà nước thay cho người có thu nhập, ghi:

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3335)

Có các TK 111, 112,...

b) Trường hợp Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân để cùng thực hiện dịch vụ cho khách hàng.

Khi hợp đồng quy định cá nhân cùng đóng góp công sức, không đóng góp vốn và hưởng cố định 40% giá trị hợp đồng ký với khách hàng mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng là lãi hay lỗ thì về bản chất, đây là hợp đồng thuê dịch vụ bên ngoài.

Khi xác định số tiền phải trả cho cá nhân, ghi

Nợ các TK 627, 641, 642, 241,... (Tùy thuộc vào việc cá nhân đó đóng góp công sức cho hoạt động nào của hợp đồng)

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331,... (số tiền thực trả)

2. Về chính sách thuế:

a) Đối với hoạt động môi giới

- Tại điểm c, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn: “Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm: ...

c) Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: tiền hoa hồng đại lý bán hàng hoá, tiền hoa hồng môi giới; tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tiền tham gia các dự án, đề án; tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút; tiền tham gia các hoạt động giảng dạy; tiền tham gia biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiền dịch vụ quảng cáo; tiền dịch vụ khác, thù lao khác.”

- Tại điểm i, khoản 1, Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“i) Khấu trừ thuế đối với một số trường hợp khác

Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng với cá nhân để thực hiện các hoạt động môi giới bán hàng hoá và cá nhân được hưởng tiền hoa hồng môi giới thì thu nhập cá nhân được xác định là tiền lương tiền công. Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân nếu khoản trả từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên.

b) Đối với hoạt động hợp tác kinh doanh với tổ chức:

- Tại Điểm n Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp có hướng dẫn:

“n) Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ thì doanh thu tính thuế là doanh thu của từng bên được chia theo hợp đồng.”

- Tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính về thuế TNDN quy định:

“Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

...”.

- Tại điểm a, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“a) Cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh gồm: cá nhân cư trú có phát sinh doanh thu kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân kinh doanh không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức theo hình thức xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân.”

- Tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“b) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu

Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng, tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nộp thuế theo từng lần phát sinh áp dụng như đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư này.”

- Tại điểm b.1, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“b.1) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu gồm tỷ lệ thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với từng lĩnh vực ngành nghề như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hoá: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 1%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 0,5%.

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 5%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 2%.

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 3%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 1,5%.

- Hoạt động kinh doanh khác: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 2%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 1%.”

- Tại điểm b, khoản 1, Điều 7 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“b) Cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh với tổ chức, tài sản tham gia hợp tác kinh doanh thuộc sở hữu của cá nhân, xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân thì cá nhân uỷ quyền cho tổ chức khai thuế và nộp thuế thay. Tổ chức có trách nhiệm khai thuế và nộp thuế thay cho cá nhân tại cơ quan thuế quản lý tổ chức.”

- Tại điểm a.1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:


“a.1) Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ được xác định theo hợp đồng bán hàng, gia công, hoa hồng, dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội; các khoản bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng (đối với doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân) mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Doanh thu tính thuế trong một số trường hợp như sau:”

Theo trình bày của Công ty CP Tư vấn Đầu tư Rainwater: Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân không kinh doanh để cùng thực hiện dịch vụ cho khách hàng. Hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức Công ty xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho khách hàng, cá nhân được hưởng 40% giá trị hợp đồng (hợp tác kinh doanh theo hình thức chia doanh thu).

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân phát sinh doanh thu thì khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng theo hợp đồng, Công ty có trách nhiệm xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, xác định thu nhập tính thuế TNDN theo quy định. Căn cứ chứng từ chi theo hợp đồng hợp tác kinh doanh và khoản chi này có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định.

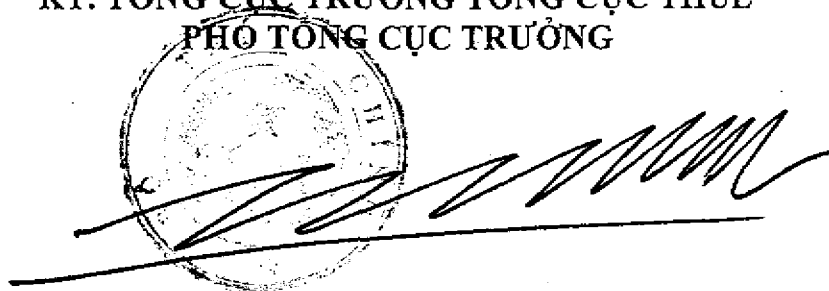
Khi Công ty chia lại 40% doanh thu cho cá nhân, Công ty có trách nhiệm khai và nộp thuế thay thuế TNCN cho cá nhân hoặc cá nhân tự kê khai, nộp thuế TNCN đối với thu nhập nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Bộ Tài chính trả lời để Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Rainwater được biết và đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn theo quy định.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Cục Thuế TP Hồ Chí Minh;
- Vụ CST, Vụ CKĐTK&KT, Vụ PC-BTC;
- Vụ PC - TCT;
- Lưu: VT, TCT(VT, CS(3b)).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn